TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:48 /2021/DS-ST
Ngày: 27- 9 – 2021
"Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ sửa chữa xe mô tô"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hoàng.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Truyền Bình** và ông **Huỳnh Tiễn.**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Hữu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Khoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ sửa chữa xe mô tô*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2021; Thông báo hoãn số 17 ngày 06/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn*** : Ông **Phùi Tắc M**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: K233/4 đường T, phường H, quận H, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1952.

Địa chỉ: 44A đường H, quận H, thành phố Đ. (có mặt).

-***Bị đơn***: Ông **Lê Ngọc T**, sinh năm 1986.(có mặt).

Địa chỉ: K408/23/22 đường T, phường H, quận H, thành phố Đ.

-***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

+ Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1985. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 233 T, phường H, quận H, thành phố Đ.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 524/30 đường H, quận H, thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 21/01/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Trần Văn Đ trình bày:

Khoảng cuối 2016, đầu năm 2017 ông Phùi Tắc M có mang chiếc xe mô tô hiệu Suzuki, biển kiểm soát 43H3-5392 đến tiệm sủa xe của ông Lê Ngọc T tại địa chỉ K408/23/22 T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để sửa, với giá 6.000.000đ. Ông T nhận lời và hẹn 05 ngày sau quay lại lấy, ông M đưa trước 3.000.000 đồng. Đúng hẹn ông M quay lại tiệm của ông T nhưng ông T không thực hiện và hẹn lần lữa nhiều lần. Ông M cho rằng ông T có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên đã làm đơn tố cáo gửi đến Công an quận Hải Châu, Đà Nẵng và ngày 02/4/2018 công an mời làm việc và ông T hẹn ngày 31/7/2018 sẽ giao xe lại cho ông M (lúc này ông T trả lại số tiền 3.000.000 đ cho ông M đã nhận lúc trước). Từ đó đến nay vẫn không hoàn thành như cam kết nên ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả lại cho ông M chiếc xe mô tô Suzuki, biển kiểm soát 43H3-5392; Đồng thời yêu cầu ông T phải bồi thường thiệt hại về việc giam, giữ xe của ông, tạm tính đến tháng 9/2021 cho ông M số tiền 20.000.000 đồng là tiền ông M khi đi lại phải thuê xe, thuê người chở đi.

Tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bồi thường thiệt hại là 20.000.000 – 6.000.000 còn lại 14.000.000 đồng.

- *Ý kiến của bị đơn ông Lê Ngọc T trình bày:* Vào cuối năm 2016 đầu năm 2017 ông và ông Phùi Tắc M có thỏa thuận miệng với nhau về việc ông nhận tân trang và sửa xe 03 bánh, hiệu Suzuki, biển kiểm soát 43H3-5392 cho ông M. Hai bên không thỏa thuận về thời hạn sửa xe. Tiền sửa xe dự tính là 6.000.000 đồng, ông M ứng trước 03 triệu đồng. Sau vài tháng ông bị đau cột sống không lao động nặng được, ông phải nghỉ nghề. Vì vậy ông không thể hoàn thành việc sửa xe cho ông M nên ông M đã báo Công an. Tại cơ quan Công an, được sự đồng ý của ông M nên ông đã bàn giao xe lại cho anh Trần Văn B sinh năm 1985, trú tại 233 T La, quận H, thành phố Đ để ráp dùm và hẹn đến ngày 31/7/2018 sẽ sửa xong xe và giao lại xe cho ông M, cũng tại cơ quan Công an ông đã trả lại 03 triệu đồng tiền ông M ứng trước. Đầu tháng 7/2021 xe ông M đã sửa xong, ông đưa anh B 6.000.000 đồng và ông đã lấy lại xe để giao cho ông M nhưng ông M không chịu nhận.

Ngày 06/7/2021 tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án tổ chức, ông và anh B đề nghị ông M lấy xe về vì xe đã sửa xong nhưng ông M không đồng ý nhận xe vì cho rằng xe không đúng nguyên trạng như ban đầu. Ông không có yêu cầu phản tố nhưng ông đề nghị ông M phải trả lại số tiền 6.000.000 đồng tiền sửa xe. Ông không đồng ý việc ông M đòi ông bồi thường 20.000.000. Nay xe đã sửa xong, ông đồng ý giao xe lại cho ông M, việc ông M yêu cầu ông phải trả lại xe mới nguyên vẹn ban đầu ông không đồng ý vì ông M không có hình ảnh xe tại thời điểm đưa ông sửa .

Ông xác nhận hiện nay ông B đã sửa xe xong và ông đã giao tiền cho ông B số tiền 6.000.000đ (có giấy nhận tiền và giao xe); ông đã nhận lại xe từ ông B và ông

đồng ý trả xe cho ông M.(đối với số tiền 6.000.000đ ông không yêu cầu ông M trả cho ông).

Nay tại phiên tòa Nguyên đơn yêu cầu nhận lại xe và yêu cầu bồi thường thiệt hại cho việc đi lại của ông M với số tiền 14.000.000 đ, thì ông đồng ý.

- Tại biên bản do tòa án lấy lời khai ngày 07/4/2021 và tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/7/2021 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B trình bày:

Ông với ông Lê Ngọc T có quan hệ là bạn bè, năm 2019 ông T có nhờ ông sửa xe mô tô 03 bánh hiệu Suzuki, biển kiểm soát 43H3-5392. Khi xe đem tới chỗ ông sửa thì không còn nguyên vẹn, ông T nói sửa và ráp vô dùm cho ông T. Do xe của ông M là xe tự chế, không có phụ tùng để thay thế, nên ông cần thêm thời gian để tìm phụ tùng, ông T có đưa 06 triệu để sửa nhưng không đủ. Ngày 06/7/2021 xe đã sửa xong, ông có đề nghị ông M lấy xe về nhưng ông M không đồng ý nhận xe vì cho rằng xe không đúng nguyên trạng như ban đầu. Ông không có yêu cầu độc lập hay ý kiến gì khác.

- Tại giấy xác nhận ngày 27/6/2021 người làm chứng là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông làm nghề chạy xe ôm. Năm 2016 ông thường hay chở ông M bị khuyết tật 02 chân. Những lúc cần đi đâu ông M đều gọi ông chở đi. Từ đó đến nay tính ra tiền xe ông M trả cho ông hơn 20 triệu đồng.

*****Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa**:**

+ Về việc tuân theo pháp luật: Qúa trình thụ lý, giải quyết xét xử vụ án, Thẩm phán, HĐXX, thư ký đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo quy định của BLTTDS.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án : Căn cứ các quy định pháp luật đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ông Phùi Tắc M khởi kiện ông Lê Ngọc T có địa chỉ tại K408/23/22 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng về việc "Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ sửa chữa xe mô tô" phù hợp với quy định tại các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên ông Trần Văn B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng ông Nguyễn Văn H vắng mặt lần thứ 2

mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ông Phùi Tắc M là chủ xe mô tô 03 bánh, hiệu Suzuki, biển kiểm soát 43H3-5392, khoảng cuối 2016, đầu năm 2017 giữa ông Phùi Tắc M và ông Lê Ngọc T có thỏa thuận với nhau bằng miệng về việc ông M giao xe mô tô trên cho ông Lê Ngọc T sửa, tiền dự tính sửa xe là 6.000.000đồng. Ông M đã đưa trước cho ông Tuấn 3.000.000 đồng. Ông M cho rằng hai bên thỏa thuận thời hạn sửa xe là 05 ngày, ông T không thừa nhận có việc thỏa thuận về thời hạn sửa xe. Theo ông Phùi Tắc M, quá 05 ngày ông T không giao lại xe và hẹn ông M nhiều lần dẫn đến việc ông M gửi đơn tố cáo đến Cơ quan công an. Ngày 02/4/2018 tại Công an phường H, ông T đã viết giấy xác nhận xe ông đã nhờ thợ khác ráp dùm, hẹn 03 tháng là đến ngày 31/7/2018 ông T sẽ sửa xe và giao lại xe cho ông M, ông T trả lại cho ông M số tiền 3.000.000 đồng tiền ứng trước đồng thời cam kết nếu không đúng hẹn thì ông T sẽ bồi thường xe cho ông M. Quá thời hạn 03 tháng kể từ ngày 31/7/2018, ông Lê Ngọc T vẫn không giao lại xe cho ông M nên ông M đã làm đơn gửi UBND phường H để giải quyết. Tại biên bản làm việc ngày 28/02/2020 do UBND phường H lập, ông T xác nhận ông bị đau cột sống hiện nay ông đã bỏ nghề sửa xe Hon đa, ông đã giao xe của ông M cho ông B tại địa chỉ 233 Tiểu La để sửa chữa được sự đồng ý của ông M, ông T hứa hỗ trợ ông M 500.000 đồng tiền công ráp vào ngày 01/3/2020 và hẹn ông M đến nhà ông T để ông T trực tiếp giao xe chưa hoàn thành cho ông M nhưng ông M vẫn yêu cầu ông T phải giao xe hoàn thành cho ông Ming vào cuối tháng 3/2020. Do ông Lê Ngọc T vẫn không thực hiện việc giao xe như đã cam kết nên ông Phùi Tắc M đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Lê Ngọc T phải trả lại xe và bồi thường số tiền 20.000.000 đồng là tiền xe ôm ông M thuê để đi lại trong thời gian giao xe cho ông T sửa. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp công khai chứng cứ ngày 19/5/2021, ông T cam kết trong thời hạn 01 tháng sẽ hối thúc ông B hoàn thiện việc ráp xe và hoàn trả xe cho ông M. Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/7/2021 do Tòa án tổ chức, theo ý kiến của ông Trần Văn B, ông Lê Ngọc T thì xe đã sửa chữa xong và yêu cầu ông Phùi Tắc M nhận lại xe, ông M đã chạy xe thử nhưng ông M không chịu nhận xe vì cho rằng xe không đúng nguyên xe ban đầu. Như vậy ông T là người vi phạm, người có lỗi trong giao dich dân sự này nên phải có trách nhiệm và nghĩa vụ đối với ông M; tại phiên tòa hôm nay đại diện Nguyên đơn yêu cầu ông Lê Ngọc T phải trả lại xe mô tô nói trên và yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 14 triệu đồng (tiền đi lại) và ông T đồng ý với yêu cầu của Nguyên đơn, Căn cứ các Điều 116,119, 401, 513, 514, 519 Bộ luật dân sự; nên HĐXX ghi nhận và cần được chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn ông Phùi Tăc M đối với bị đơn ông Lê Ngọc T.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Phùi Tắc M, được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Ngọc T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nguyên đơn có đơn yêu cầu và đã tự nguyện chịu, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố dụng dân sự;

Các điều 116,119, 244, 385, 401, 513, 514, 519 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùi Tắc M đối với ông Lê Ngọc T.

* Xử:

1/ Buộc ông Lê Ngọc T phải trả cho ông Phùi Tắc M, 01 xe mô tô hiệu Suzuki, biển kiểm soát 43H3-5392, màu sơn đen, loại xe người tàn tật, số khung 19441, số máy 238506, dung tích 125, đứng tên chủ sở hữu ông Phùi Tắc M.

2/ Ông Lê Ngọc T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Phùi Tắc M số tiền 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Về án phí DSST: Buộc ông Lê Ngọc T phải chịu 700.000 đồng (*Bảy trăm ngàn đồng*).

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điêu 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Thi hành án dân sự Q. Hải Châu;
- L- u hồ sơ vụ án.

T.M H□I □□NG X□T X□ S□ THỘM
THỘM PH□N - CH□ T□A PHI□N T□A
Đã ký

NGUYỄN ĐỨC HOÀNG

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đức Hoàng